

Số: 192 /QĐ-ĐHK-T-SĐH

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận ứng viên trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 1436/2022/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-ĐHK-T-SĐH ngày 04/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 108 /QĐ-ĐHK-T-SĐH ngày 14 / 5 / 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc Thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 (lần 2) ngày 22 / 6 / 2026;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Đào tạo Sau đại học.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Công nhận các ứng viên trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (có danh sách kèm theo).

**Điều 2:** Khoa Đào tạo Sau đại học thông báo kết quả trúng tuyển và làm thủ tục nhập học cho ứng viên trúng tuyển theo quy định hiện hành.

**Điều 3:** Trưởng khoa Đào tạo Sau đại học, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường và các ứng viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu VT; ĐHK-T-SĐH.



PGS.TS. Vũ Ngọc Anh

**BỘ XÂY DỰNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026**

Khóa 2026-2028 đào tạo tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số QĐ-ĐHKT-SĐH ngày tháng năm 2026  
của Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Ghi chú
1	Bùi Hữu <b>Chánh</b>	Nam	30/10/2002	Kiến trúc	
2	Phạm Đức <b>Dũng</b>	Nam	01/12/1998	Kiến trúc	
3	Bùi Quang <b>Dũng</b>	Nam	21/09/1985	Kiến trúc	
4	Nguyễn Hoàng <b>Hà</b>	Nam	20/08/2002	Kiến trúc	
5	An Xuân <b>Hiếu</b>	Nam	07/12/2002	Kiến trúc	
6	Nguyễn Đức <b>Hiếu</b>	Nam	20/08/1998	Kiến trúc	
7	Đào Phương <b>Linh</b>	Nữ	27/03/2000	Kiến trúc	
8	Lê Văn <b>Long</b>	Nam	17/01/1997	Kiến trúc	
9	Vũ Thành <b>Long</b>	Nam	17/03/2002	Kiến trúc	
10	Trần Quang <b>Thái</b>	Nam	08/03/1995	Kiến trúc	
11	Ngô Hoàng <b>Anh</b>	Nam	13/08/2001	Quy hoạch vùng & đô thị	
12	Nguyễn Xuân <b>Hà</b>	Nam	07/05/2000	Quy hoạch vùng & đô thị	
13	Phạm Duy <b>Hưng</b>	Nam	04/10/1982	Quy hoạch vùng & đô thị	
14	Đỗ Thuý <b>Linh</b>	Nữ	25/02/2000	Quy hoạch vùng & đô thị	
15	Nguyễn Đức <b>Nam</b>	Nam	03/12/2002	Quy hoạch vùng & đô thị	
16	Lê Thị Hồng <b>Ngọc</b>	Nữ	25/02/1992	Quy hoạch vùng & đô thị	
17	Hoàng Thu <b>Trà</b>	Nữ	19/04/2000	Quy hoạch vùng & đô thị	
18	Đoàn Ngọc <b>Bách</b>	Nam	08/12/1996	Quản lý đô thị & công trình	
19	Uông Đình <b>Công</b>	Nam	26/07/1997	Quản lý đô thị & công trình	
20	Cao Xuân <b>Dũng</b>	Nam	24/06/1981	Quản lý đô thị & công trình	
21	Lê Đình <b>Duy</b>	Nam	22/07/1997	Quản lý đô thị & công trình	
22	Uông Khương <b>Duy</b>	Nam	22/01/1999	Quản lý đô thị & công trình	
23	Nguyễn Thảo <b>Duyên</b>	Nữ	27/07/2001	Quản lý đô thị & công trình	
24	Nguyễn Thị <b>Hoà</b>	Nữ	11/05/2000	Quản lý đô thị & công trình	
25	Trần Mạnh <b>Hùng</b>	Nam	02/02/1999	Quản lý đô thị & công trình	
26	Trần Thanh <b>Lâm</b>	Nam	20/11/1998	Quản lý đô thị & công trình	
27	Chu Ngọc <b>Long</b>	Nam	03/09/2003	Quản lý đô thị & công trình	
28	Nguyễn Thị <b>Mến</b>	Nữ	27/09/1981	Quản lý đô thị & công trình	
29	Hàn Anh <b>Quân</b>	Nam	30/11/1997	Quản lý đô thị & công trình	
30	Bùi Anh <b>Quân</b>	Nam	08/11/2002	Quản lý đô thị & công trình	
31	Trần Minh <b>Quang</b>	Nam	16/08/1999	Quản lý đô thị & công trình	
32	Lê Văn Đức <b>Thắng</b>	Nam	21/10/2003	Quản lý đô thị & công trình	
33	Hoàng Văn <b>Thịnh</b>	Nam	10/07/1977	Quản lý đô thị & công trình	

*Phan*

76	Lê Thị Bảo	<b>Châu</b>	Nữ	19/08/1998	Thiết kế đồ họa	
77	Nguyễn Thị Việt	<b>Chinh</b>	Nữ	12/02/1997	Thiết kế đồ họa	
78	Nguyễn Mạnh	<b>Cường</b>	Nam	09/11/1992	Thiết kế đồ họa	
79	Lê Minh	<b>Đức</b>	Nam	19/04/2002	Thiết kế đồ họa	
80	Lương Thị Ngọc	<b>Hà</b>	Nữ	11/01/2002	Thiết kế đồ họa	
81	Phan Thùy	<b>Linh</b>	Nữ	22/04/1996	Thiết kế đồ họa	
82	Đỗ Nguyễn Hoàng	<b>Linh</b>	Nữ	23/09/2002	Thiết kế đồ họa	
83	Phạm Quỳnh	<b>Mai</b>	Nữ	03/05/2002	Thiết kế đồ họa	
84	Đỗ Thị Quỳnh	<b>Nga</b>	Nữ	26/12/1996	Thiết kế đồ họa	
85	Vũ Minh	<b>Ngọc</b>	Nữ	26/02/2002	Thiết kế đồ họa	
86	Tăng Mai	<b>Phương</b>	Nữ	12/11/2004	Thiết kế đồ họa	
87	Ngô Thị Diệu	<b>Phương</b>	Nữ	15/03/1994	Thiết kế đồ họa	
88	Nguyễn Thu	<b>Phương</b>	Nữ	12/03/2002	Thiết kế đồ họa	
89	Nguyễn Ánh	<b>Phương</b>	Nữ	09/12/1996	Thiết kế đồ họa	
90	Lê Thị	<b>Thương</b>	Nữ	20/10/2002	Thiết kế đồ họa	
91	Nguyễn Thị Thuý	<b>Tiên</b>	Nữ	26/11/2002	Thiết kế đồ họa	
92	Nguyễn Văn	<b>Trung</b>	Nam	18/12/2003	Thiết kế đồ họa	
93	Phùng Văn	<b>Tuấn</b>	Nam	09/06/2003	Thiết kế đồ họa	
94	Phạm Thị Lệ	<b>Xuân</b>	Nữ	19/08/2002	Thiết kế đồ họa	
95	Nguyễn Thị	<b>Yến</b>	Nữ	16/03/1992	Thiết kế đồ họa	

Trong đó:

Kiến trúc: 10 người (Từ 01 đến 10)  
 Quy hoạch vùng & đô thị: 07 người (Từ 11 đến 17)  
 Quản lý đô thị & công trình: 29 người (Từ 19 đến 46)  
 Kỹ thuật xây dựng: 04 người (Từ 47 đến 50)  
 Kinh tế xây dựng: 07 người (Từ 51 đến 57)  
 Thiết kế nội thất: 13 người (Từ 58 đến 70)  
 Thiết kế đồ họa: 25 người (Từ 71 đến 95)



34	Mai Hữu	Tôn	Nam	20/03/1994	Quản lý đô thị & công trình
35	Đỗ Sơn	Tùng	Nam	30/07/2002	Quản lý đô thị & công trình
36	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	15/04/1988	Quản lý đô thị & công trình
37	Lê Ngọc	Vân	Nữ	18/09/1982	Quản lý đô thị & công trình
38	Nguyễn Văn	Dương	Nam	30/01/2003	Quản lý đô thị & công trình
39	Lã Tuấn	Huy	Nam	01/05/2001	Quản lý đô thị & công trình
40	Giáp Thị Tú	Lam	Nữ	20/10/2000	Quản lý đô thị & công trình
41	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	12/06/2002	Quản lý đô thị & công trình
42	Nguyễn Thanh	Long	Nam	02/07/1995	Quản lý đô thị & công trình
43	Đặng Trà	My	Nữ	23/07/2001	Quản lý đô thị & công trình
44	Lương Hồng	Phong	Nam	01/07/2002	Quản lý đô thị & công trình
45	Đỗ Hồng	Quân	Nam	20/02/2003	Quản lý đô thị & công trình
46	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	13/12/1996	Quản lý đô thị & công trình
47	Nguyễn Nam	Cao	Nam	16/02/1993	Kỹ thuật xây dựng
48	Bùi Văn	Chiến	Nam	06/03/1993	Kỹ thuật xây dựng
49	Vũ Thị	Dung	Nữ	16/02/2000	Kỹ thuật xây dựng
50	Phạm Tuấn	Hưng	Nam	14/12/2000	Kỹ thuật xây dựng
51	Trần Thanh	Bình	Nam	05/04/1996	Kinh tế xây dựng
52	Nguyễn Thành	Công	Nam	02/06/1987	Kinh tế xây dựng
53	Nguyễn Thị Phương	Duyên	Nữ	30/03/1992	Kinh tế xây dựng
54	Hà Duy	Hùng	Nam	14/09/1990	Kinh tế xây dựng
55	Nguyễn Việt	Khải	Nam	03/12/2003	Kinh tế xây dựng
56	Phạm Thị Trà	My	Nữ	18/11/1996	Kinh tế xây dựng
57	Đình Thái	Phúc	Nam	21/04/2001	Kinh tế xây dựng
58	Trần văn	Anh	Nam	23/10/2001	Thiết kế nội thất
59	Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	29/11/1983	Thiết kế nội thất
60	Trần Văn	Chức	Nam	08/08/1990	Thiết kế nội thất
61	Chu Thị Hải	Hà	Nữ	04/11/2002	Thiết kế nội thất
62	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	16/11/2003	Thiết kế nội thất
63	Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	18/08/2000	Thiết kế nội thất
64	Hoàng Thị	Lan	Nữ	20/02/2001	Thiết kế nội thất
65	Trần Diệu	Linh	Nữ	12/05/1997	Thiết kế nội thất
66	Cao Ngọc	Mai	Nữ	22/08/2001	Thiết kế nội thất
67	Dương Thanh	Phúc	Nam	24/07/1993	Thiết kế nội thất
68	Hoàng Chu	Quân	Nam	23/12/2003	Thiết kế nội thất
69	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	30/10/2003	Thiết kế nội thất
70	Dương Thị	Thúy	Nữ	30/04/1998	Thiết kế nội thất
71	Phạm Phương	Anh	Nữ	23/08/2003	Thiết kế đồ họa
72	Đặng Thị Phương	Anh	Nữ	05/03/2001	Thiết kế đồ họa
73	Nguyễn Việt Hà	Anh	Nữ	27/08/2002	Thiết kế đồ họa
74	Giang Huyền	Anh	Nữ	04/03/2003	Thiết kế đồ họa
75	Nguyễn Lê Phương	Anh	Nữ	01/06/2000	Thiết kế đồ họa

*Phu*